

Số: 18/2021/QĐST-DS

C, ngày 03 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 305/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A;

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Vũ Thị Anh Đ - Chức vụ: Giám đốc phòng quản lý nợ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A.

*Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Xuân S; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: Số 38-40 Trần Phú nối dài, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. (Theo giấy ủy quyền lại số 1024/UQ-QLN.20 ngày 07 tháng 10 năm 2020).

*Bị đơn:* Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm: 1959;

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:**

Bà Trần Thị Tuyết N công nhận có nợ và có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai với tổng số tiền là 1.093.570.571 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi một đồng) trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), nợ lãi tính đến ngày 26/01/2021 là 93.570.571 đồng (Chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

## 2.2. Về thời hạn, phương thức trả nợ:

Bà Trần Thị Tuyết N thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai tổng số tiền là 1.093.570.571 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi một đồng) trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), nợ lãi tính đến ngày 26/01/2021 là 93.570.571 đồng (Chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi một đồng) thành 16 (mười sáu) kỳ trả nợ, cụ thể như sau:

Kỳ 01: Ngày 27 tháng 02 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 02: Ngày 27 tháng 3 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 03: Ngày 27 tháng 4 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 04: Ngày 27 tháng 5 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 05: Ngày 27 tháng 6 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 06: Ngày 27 tháng 7 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 07: Ngày 27 tháng 8 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 08: Ngày 27 tháng 9 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 09: Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 10: Ngày 27 tháng 11 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 11: Ngày 27 tháng 12 năm 2021, Bà Trần Thị Tuyết N trả 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 12: Ngày 27 tháng 01 năm 2022, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 13: Ngày 27 tháng 02 năm 2022, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 14: Ngày 27 tháng 3 năm 2022, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 15: Ngày 27 tháng 4 năm 2022, Bà Trần Thị Tuyết N trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kỳ 16: Ngày 27 tháng 5 năm 2022, Bà Trần Thị Tuyết N tất toán số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng); tiền nợ lãi tính đến ngày 26/01/2021 là 93.570.571 đồng (Chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi một đồng) và toàn bộ số lãi phát sinh của từng kỳ trả nợ theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.80.180118 ngày 18/01/2018 và Hợp đồng cấp tín dụng số GIL.CN.243.190119 ngày 19/01/2019 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (ngày 26/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

### *2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:*

Trong lộ trình trả nợ từ ngày 27 tháng 02 năm 2021 đến ngày 27 tháng 5 năm 2022, bà Trần Thị Tuyết N không thực hiện đúng hoặc vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào thì tại thời điểm bà Trần Thị Tuyết N vi phạm, các kỳ trả nợ tiếp theo xem như hết hiệu lực và Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ các khoản nợ bà Trần Thị Tuyết N còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.422.190117 ngày 19/01/2017. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất các thửa đất như sau:

Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thôn An Hòa, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích đất 702,4 m<sup>2</sup>. Thửa đất số 12; tờ bản đồ số 76 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 351739 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/11/2014.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 351739 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/11/2014 sau khi bà Trần Thị Tuyết N trả đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

### *2.4. Về án phí:*

Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là  $[36.000.000 \text{ đ} + (293.570.571 \text{ đồng} \times 3\%)] : 2 = 22.403.559 \text{ đồng}$  (Hai mươi hai triệu bốn trăm lẻ ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng). Bà Trần Thị Tuyết N tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 22.403.559 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm lẻ ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 21.581.363 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm tám mươi một nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010812 ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

### *2.5. Về chi phí tố tụng:*

Bà Trần Thị Tuyết N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Bà Trần Thị Tuyết N phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Gia Lai số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Khương**